TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **233**/2023/HC-PT
Ngày: 25/7//2023
V/v "Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Thái
Các Thẩm phán: - ông Nguyễn Tấn Trường
- ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 50/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 4 năm 2023 về: *"Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC- ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2511/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1958; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên; địa chỉ hiện nay: A2.5 Chung cư H, phường V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: ông Phan Bạch M là Luật sư - Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

1.2. Bà Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

1.3. Bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1949; địa chỉ: Khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

1.4. Bà Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã Đ1: ông Nguyễn Ngọc G - Phó Chủ tịch UBND thị xã Đ1. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã Đ1: ông Huỳnh Tấn Ph - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn H: ông Nguyễn Thanh P2 - Phó Chủ tịch UBND phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND phường H: ông Trần Quốc Tr - Công chức địa chính, xây dựng phường H. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Tấn P2 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.2. Ông Phạm Ngọc N1 (chết)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Ngọc N1 gồm vợ (chết) và 04 người con:

(1) Bà Phạm Thị Ly Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

(2) Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

(3) Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên.

(4) Ông Phạm L3, sinh năm 1992; Địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Đ, L1, L2, L3: Bà Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.3. Ông Phạm Ngọc Tr1 (chết)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Ngọc Tr1: gồm vợ và 02 người con:

(1) Bà Phan Thị H1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn P2, xã S, huyện T3, tỉnh Phú Yên.

(2) Ông Phan Ngọc Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn P2, xã S, huyện T3, tỉnh Phú Yên.

(3) Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P2, xã S, huyện T3, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: H1, Tr, T4: Bà Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.4. Ông Phạm Ngọc C2 (chết)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Ngọc C2 gồm vợ và 04 người con:

(1) Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

(2) Ông Phạm Hoàng H2, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

(3) Bà Phạm Thị Hoàng Đ1, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

(4) Ông Phạm Hoàng C3, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

(5) Bà Phạm Hoàng G, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị M, ông Phạm Hoàng H2, ông Phạm Hoàng C3, bà Phạm Thị Hoàng G: Bà Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố P1, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện các bà Phạm Thị Tuyết L, bà Phạm Thị Tuyết N, bà Phạm Thị Tuyết L, bà Phạm Thị Tuyết H1 thống nhất trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là ông Phạm Ngọc H3 (chết) và bà Đào Thị K (chết) có 07 người con gồm: Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Ngọc C2 (*chết*), Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết L, Phạm Ngọc N1 (*chết)*, Phạm Ngọc Tr1 (*chết*); cha mẹ chúng tôi có khai hoang diện tích đất khoảng 15.750 m^2 từ năm 1971, có tứ cận: Đông giáp rãy bà Lê Thị N2, Tây giáp rừng còn nguyên sinh, Nam giáp rãy ông Trà K, Bắc giáp đất rãy ông Nguyễn L3 đã được Trưởng thôn P1 (ông Lê Đức T4) xác nhận ngày 25/6/1982. Cha mẹ chúng tôi

sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1971 trồng sắn mì, sau đó trồng cây điều. Sau khi cha mẹ chúng tôi chết (ông H3 chết năm 2008, bà K chết năm 2016) thì chúng tôi đến xã H để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này thì xã H không làm với lý do cho rằng đất này do xã quản lý. Chúng tôi nộp hồ sơ đến huyện Đ1 thì Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện Đ1 (nay là thị xã Đ1) trả lời đất này do xã quản lý nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ).

Năm 2012, Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H) cho người đến chặt phá cây trồng của gia đình nên chúng tôi tố cáo việc này từ năm 2012 n H3 không có cơ quan nào giải quyết. Cũng trong năm 2012 thì gia đình tôi trồng khoảng 40 trụ bê tông vào quanh đất n H3 đến năm 2016 thì UBND phường H tiếp tục nhổ hết trụ bê tông của chúng tôi. Sau rất nhiều lần tố cáo và khiếu nại đối với các cấp về việc UBND thị trấn H thì chúng tôi đã nhận được Thông báo số 208/TB-UBND ngày 10/05/2018 của UBND Huyện Đ1.

Sau khi nhận thông báo 208/TB-UBND ngày 10/05/2018 của UBND Huyện Đ1, chúng tôi không đồng ý với nội dung trong thông báo này vì trước đó UBND huyện Đ1 đã yêu cầu Thanh tra Huyện Đ1 xác minh nội dung tố cáo, tham mưu và có văn bản trả lời cho công dân. N H3 UBND phường H không xác minh nguồn gốc đất của gia đình tôi từ những hộ dân có đất canh tác liền kề với thửa đất mà cha mẹ chúng tôi đã khai hoang, không xác minh lời khai của nhân chứng ông Lê Đức T4 - Trưởng thôn P1...và sau đó UBND huyện Đ1 đã ra Thông báo số 710/TB-UBND ngày 04/10/2017 *v/v không giải quyết Đơn tố cáo vì lí do*: *"... thửa đất mà chị em Bà H1 tố cáo do UBND Thị trấn H quản lý thể hiện qua các lần đo đạc bản đồ".*

Chúng tôi là những người đang trực tiếp quản lý và sử dụng các thửa đất số: 10 - 61- 62, tờ bản đồ số: 19 A, nay là thửa số 09, tờ bản đồ số 14 và thửa số 11- 12 tờ bản đồ số 13 thuộc thị trấn H, huyện Đ1, Phú Yên *(Đây là đất do cha mẹ chúng tôi đã khai hoang từ năm 1971).* Việc UBND thị xã Đ1 cho rằng các thửa đất này do UBND thị trấn H quản lý qua các lần đo đạc bản đồ là không đúng. Vì chúng tôi là người trực tiếp quản lý đất này n H3 khi UBND thị trấn H tiến hành đo đạc diện tích đất này thì không có thông báo cho chúng tôi được biết. Việc UBND thị trấn H tự ý chặt cây cối và nhổ 47 trụ bê tông hàng rào bao quanh thửa đất của chúng tôi là trái quy định pháp luật. Tại Thông báo số 208/TB-UBND huyện Đ1 cũng đã thừa nhận việc chính quyền thị trấn H đã có hành vi cho người nhổ và chặt phá cây cối, nhổ trụ bê tông của gia đình chúng tôi *(bao gồm khoảng 10.000 các loại cây bạch đàn, phi lao, xà cừ, đào lộn hột và 47 trụ bê tôn*g) là không đúng.

Người khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết L, bà Phạm Thị Tuyết H1, bà Phạm Thị Tuyết N, bà Phạm Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc UBND phường H trả lại 47 trụ bê tông và giá trị 10 triệu đồng đối với số cây bị phá của gia đình và của bà H1, bà L, bà N và bà L.

- Buộc UBND thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 15.750m^2 tại các thửa đất số 10, 61 và 62, tờ bản đồ số 19A cho gia đình bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L. *(Nay là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 14 và thửa số 11, 13 tờ bản đồ số 13 tại Khu phố Phú Hiệp 3, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên).*

Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện UBND thị xã Đ1 trình bày:

(1) Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, bà H1, bà L, bà L buộc UBND thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 15.750 m^2 tại các thửa 10, 61, 62 tờ bản đồ 19-A tại P1, H, Đ1: Từ trước đến nay, UBND thị xã Đ1 chưa tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995, lập hồ sơ địa chính năm 1999, các thửa 10, 61, 62, tờ bản đồ 19-A là đất lâm nghiệp do UBND phường H quản lý. Các chị em bà N, bà H1, bà L, bà L đã có hành vi chiếm đất UBND phường H quản lý, đã bị UBND phường H xử lý vi phạm hành chính năm 2020. Do vậy, UBND thị xã Đ1 không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N, bà H1, bà L, bà L buộc UBND thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 15.750m^2 tại các thửa 10, 61, 62 tờ bản đồ 19-A tại P1, H, Đ1.

(2) Đối với các nội dung tố cáo của bà Phạm Thị Tuyết L, UBND thị xã Đ1 đã ban hành: Thông báo số 208/TB-UBND ngày 10/5/2018 và Thông báo số 12/UBND ngày 08/01/2019 để thông báo kết quả giải quyết tố cáo; đồng thời thừa nhận việc UBND phường H đã có thiếu sót trong việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND phường H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bị kiện UBND thị trấn H trình bày:

(1) Theo Bản đồ đo đạc năm 1983 và phê duyệt năm 1987 tại thửa đất số 42, diện tích 72.270m^2 loại đất Phi lao và thửa đất số 43, diện tích 130.610m^2 loại đất Hoang (trong 2 diện tích này người khởi kiện cho rằng cha mẹ bà khai hoang với diện tích 14.546.90m^2 thành 3 thửa theo Công ty TNHH Thảo Vy đo đạc).

Đối chiếu hồ sơ giao đất trồng rừng theo Dự án PAM 4304 năm 1994 tiểu khu 296 - Hiệp Trung, UBND huyện Tuy Hòa đã giao đất trồng rừng cho các hộ dân:

- Thửa 63 diện tích: 5.600m^2 chủ sử dụng Văn Tấn Tời.

- Thửa 64 diện tích: 2.850m^2 chủ sử dụng Văn Tấn Giấy.

- Thửa 65 diện tích 2.850m^2 chủ sử dụng Trần Xung.

- Thửa 66 diện tích: 2.850m^2 chủ sử dụng Trần Văn Mai.

- Thửa 67 diện tích: 2.850m^2 chủ sử dụng Trần Bình Trung.

- Thửa 68 diện tích: 2.850m^2 chủ sử dụng Đỗ Thị Châu.

+ Theo hồ sơ địa chính: Sổ Mục kê, Sổ Địa chính đo đạc năm 1995 phê duyệt năm 1999, tờ bản đồ số 19-A tại các thửa: 10, 62 là đất Lâm nghiệp thuộc UBND xã quản lý; thửa 05, 06, 07, 08 là đất Nghĩa địa thuộc UBND xã quản lý (nay là UBND thị trấn H quản lý).

Từ năm 2002 đến năm 2017 hiện trạng là đất bằng chưa sử dụng nằm trong Quy hoạch Khu dân cư - Khu Công nghiệp H (giai đoạn 1 + 52.0709 ha) thuộc nhà nước quản lý.

Do vậy, việc người khởi kiện yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này là không có căn cứ và từ trước cho đến nay UBND phường H chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang khởi kiện.

Ủy ban nhân dân phường H thừa nhận đã có thiếu sót trong việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với người khởi kiện tại các thửa đất đang khởi kiện nên UBND phường H đồng ý giao trả lại 47 trụ bê tông theo Biên bản thu hồi tang vật ngày 22/7/2016 của UBND thị trấn H cho người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ1: thống nhất ý kiến của người bị kiện UBND thị xã Đ1 và UBND phường H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L1, ông Phạm L3, bà Phan Thị H1, bà Phạm Thị Hoàng Đ1: thống nhất yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngày 01/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiến hành lập Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của người khởi kiện đối với thửa đất số 10, 61 và 62, tờ bản đồ số 19A (đo đạc năm 1995), diện tích khoảng 15.750 m^2 *(Nay là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 14 và thửa số 11, 13 tờ bản đồ số 13 tại Khu phố Phú Hiệp 3, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên).*

Theo kết quả xem xét thẩm định các thửa đất mà người khởi kiện xác định ranh giới là các thửa đất có nguồn gốc do cụ Phạm Ngọc H3 và cụ Đào Thị K khai hoang nay con là các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết H1 đang sử dụng. Tại Bản đồ địa Phường H - Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 51-2022 thể hiện là 02 thửa: thửa 370 được trích đo một phần diện tích thửa số 11,12 tờ bản đồ số 13, đo vẽ năm 2010 đất có diện tích 8993,8 m^2 loại đất BCS; thửa 121 được trích đo một phần diện tích thửa số 8, 9 tờ bản đồ số 14, đo vẽ năm 2010 đất có diện tích 5482,5 m^2 loại đất BCS (BL 139)

Tại Công văn số 1585/CCKL-QLR ngày 20/12/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên xác định:

Trước năm 2007: Căn cứ bản đồ kết quả Kiểm kê rừng theo theo Chỉ thị 286/CT-TTg được phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-BNN-TCKT ngày 25/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Phú Yên; Quyết định 047/QĐ-UB ngày 07/01/1998 của UBND tỉnh Phú Yên vị trí 02 thửa đất trên là quy hoạch rừng phòng hộ.

+ Từ năm 2007 đến năm 2017: Theo Quyết định 2358/QĐ-UBND ngày 12/12/2007 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Phú Yên vị trí 02 thửa đất trên không thuộc quy hoạch lâm nghiệp (ngoài quy hoạch 3 loại rừng).

+ Từ năm 2017 đến nay: Theo Quyết định 2570/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Phú Yên vị trí 02 thửa đất trên không thuộc quy hoạch lâm nghiệp (ngoài quy hoạch 3 loại rừng).

- Về xác định 02 thửa đất nêu trên có phải là rừng PAM theo dự án PAM 4304 năm 1996 hay không: Qua rà soát Hạt Kiểm lâm thị xã Đ1, UBND phường Hiệp Trung không có quản lý, lưu hồ sơ dự án PAM 4304.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC- ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, 32, 116, 123, 143, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 và 358 Luật tố tụng hành chính; Điều 18, 70 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 100; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết H1: Buộc UBND phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên trả lại tài sản là 47 trụ bê tông theo Biên bản thu hồi tang vật ngày 22/7/2016 của UBND thị trấn H (nay là UBND phường H) cho bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L vì bị tịch thu không đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu của người khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết H1 đối với việc buộc UBND thị trấn H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đối

với số cây trồng trên các thửa đất số 10, 61 và 62, tờ bản đồ số 19A tại phường H, thị xã Đ1 vì không có căn cứ.

Đình chỉ giải quyết và trả lại đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo cho người khởi kiện đối với yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10, 61 và 62, tờ bản đồ số 19A tại phường H, thị xã Đ1 cho gia đình bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L. (Nay là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 14 và thửa số 11, 13 tờ bản đồ số 13 tại Khu phố Phú Hiệp 3, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và quyền kháng cáo của đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 17/01/2023 các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm n H3 không nêu rõ nội dung; ngày 15/3/2023 các bà L, N, L, H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bà đối với diện tích 15.750 m^2 đất khai hoang từ năm 1971 mà hiện nay gia đình các bà đang quản lý sử dụng. Cụ thể hiện nay thể hiện là hai thửa đất: thửa 370 diện tích 8993,8 m^2; thửa 121 diện tích 5482,5 m^2 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện là các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa bà H1, bà L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L xác định nội dung kháng cáo chỉ có 01 yêu cầu là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bà đối với diện tích đất khai hoang từ năm 1971 mà hiện nay gia đình các bà đang quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Bà bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L trình bầy do yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất trước đây không được chấp nhận giải quyết nên đề nghị nếu UBND thị xã Đ1 tiến hành giải quyết các bà sẽ có trách nhiệm làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nộp cho UBND thị xã Đ1; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận đề nghị này của các bà.

- Đại diện UBND thị xã Đ1 thống nhất như đề nghị của người khởi kiện đề nghị Tòa án ghi nhận việc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 sẽ có trách nhiệm trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và tiến hành các thủ tục giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án chấp nhận các đề nghị nêu trên và không yêu cầu phải xem xét giải quyết thêm vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người kiện; sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 tiếp nhận hồ sơ và tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 15.750 m^2 đất khai hoang từ năm 1971 mà hiện nay gia đình các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L đang quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ váo kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy:

- Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L có gửi nhiều đơn đến nhiều cơ quan nhà nước đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 15.750 m^2; cụ thể như: tại Đơn kiến nghị lần 3, đề ngày 10/10/2017. Bà Phạm Tuyết N là người đại diện cho các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L có thể hiện: bà N có đề gửi đến Chủ tịch UBND huyện Đ1, Thanh tra huyện, Văn Phòng đăng ký đất đai huyện. Trong nội dung đơn có thể hiện nội dung: "*2. Về yêu cầu của gia đình đề nghị được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 15.750 m^2 thuộc các thửa đất 10, 61, 62 tờ bản đồ 19A*". Dấu Công văn đến thể hiện UBND huyện Đ1 nhận ngày 12/10/2017 (Bút lục 260, 364).

+ Tại Văn bản số 5617/UBND-BTD ngày 13/10/2017 về việc giải quyết đơn của bà Phạm Thị Tuyết N của Chủ tịch UBND huyện gửi Thanh tra huyện thể hiện; "*Nhận được đơn kiến nghị đề ngày 10/10/2017của bà Phạm Tuyết N là người đại diện ... Nội dung: ... đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 15.750 m^2*" (Bút lục 261).

+ Tại Biên bản làm việc lập ngày 13/9/2017 và ngày 19/01/2018 của Thanh tra huyện có thể hiện nội dung đề nghị được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 15.750 m^2

+ Tại Biên bản làm việc ngày 19/01/2018 của Thanh tra huyện có thể hiện nội dung tố cáo: "*khoảng 20h 40 phút ngày 19/11/2012 ông Trần Phú S và nhân viên xã chặt phá những cây lớn của cha mẹ bà N (cụ Phạm Ngọc H3 và cụ Đào Thị K) trồng trên đất gồm: cây xà cừ, cây đào và nhổ cây bạch đàn, cây dương của các chị em tôi trồng thêm trên đất khai hoang của cha mẹ vào năm 1971- số cây chặt phá khoảng 10.000 cây*".

- Tại các Đơn khởi kiện ngày 10/4 và 22/7/2019 các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L gửi Tòa án cấp sơ thẩm đều có nội dung khởi kiện: yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào đơn xin chứng nhận đất rẫy khai hoang 15750 m^2 có xác nhận của ông Lê Đức T4 - Ban nhân dân thôn P1 đề ngày 25/6/1982 xác nhận năm 1971 vợ chồng ông H3, bà K có khai hoang khu vườn để trồng sắn mì, đến năm 1980 chuyển sang trồng phi lao và cây đào. Căn cứ vào Giấy xác nhận của những người làm chứng là những người sử dụng đất giáp ranh là các gia đình: ông Trà K, bà Lê Thị N2, ông Nguyễn L3 và những người sử dụng đất gần khu vực thì thấy một số hộ liền kề cũng được ông T4 xác nhận, trong đó có hộ gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc trình bầy này phù hợp với các biên bản làm việc của Thanh tra huyện về nguồn gốc đất của người khởi kiện. Tuy nhiên, tại kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo không thể hiện việc giải quyết và thu thập những tài liệu này để làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, vị trí và số lượng cây trồng trên đất của từng thửa, loại cây, tuổi của cây là thiếu khách quan, chưa đúng thực tế sử dụng đất.

Căn cứ các tài liệu và Bản tổng hợp các hộ gia đình có cây trồng, hoa màu, vật kiến trúc bị thiệt hại trong phạm vi GPMB khu dân cư, KCN Hòa Hiệp lập ngày 20/5/2002 thì thấy tại số thứ tự 225 có tên "Phạm Ngọc H3" n H3 không thấy có tên trong danh sách bị thu hồi đất.

Như vậy, về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất vợ chồng ông H3, bà K có khai hoang đất từ năm 1971 và sử dụng đất ổn định, liên tục đến năm 2012 như người khởi kiện đã trình bầy trên là có căn cứ.

- Căn cứ Luật đất đai 2003 có quy định:

"***Điều 12.*** *Khuyến khích đầu tư vào đất đai .*

Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng đất đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào các việc sau đây:

...

2. Khai hoang, phục hoá, lấn biển, đưa diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước hoang hoá vào sử dụng;

3. Phát triển kết cấu hạ tầng để làm tăng giá trị của đất.

...

Điều 29. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

2. Trường hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố có diện tích đất phải thu hồi mà Nhà nước chưa thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo mục đích

đã xác định trước khi công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nếu người sử dụng đất không còn nhu cầu sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường hoặc hỗ trợ theo quy định của pháp luật...”

- Căn cứ quy định của Luật đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết thì thấy UBND chưa tiến hành các thủ tục để xem xét giải quyết cấp giấy CNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi người khởi kiện do đó các bà L, N, H1, L yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã Đ1 phải tiến hành xem xét giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

Tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP có quy định:

“Điều 21. Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định

3. Trường hợp thời điểm sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định theo giấy tờ có ghi ngày tháng năm sử dụng đất sớm nhất.

Điều 22. Việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê.

Điều 33. Chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;

Điều 34. Chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này thì phải được Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;

Điều 36. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp Nhà nước đã có quyết định quản lý đối với đất đai, tài sản gắn liền với đất n H3 chưa thực hiện

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà trước đây cơ quan nhà nước đã có quyết định quản lý đối với đất đai, tài sản đó trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước n H3 thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định thì người đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng và được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật."

[2] Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đã tự thống nhất là Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 có trách nhiệm trực tiếp tiếp nhận đơn và tiến hành các thủ tục giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết và trả lại đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo cho người khởi kiện đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L là không đúng; kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Do kháng cáo của người khởi kiện được chấp nhận, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm nên các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp; Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 là người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC- ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L có trách nhiệm làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 15.750m^2 tọa lạc tại các thửa đất số 10, 61 và 62, tờ bản đồ số 19A đo đạc năm 1995 tại P1, H, huyện Đ1 (Nay là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 14 và thửa số 11, 13 tờ bản đồ số 13 đo đạc năm 2010 tại Khu phố Phú Hiệp 3, phường H, thị xã Đ1, tỉnh Phú Yên. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tại Bản đồ địa chính phường H - Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 51-2022 thể hiện là 02 thửa: thửa 370 được trích đo một phần diện tích thửa số 11, 12 tờ bản đồ số 13, đo vẽ năm 2010 đất có diện tích 8993,8 m^2 loại đất BCS; thửa 121 được trích đo một phần diện tích thửa số 8, 9 tờ bản đồ số 14, đo vẽ năm 2010 đất có diện tích 5482,5 m^2 loại đất BCS).

- Ghi nhận Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L đối với diện tích đất trên và tiến hành các thủ tục giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Các bà Phạm Thị Tuyết L, Phạm Thị Tuyết N, Phạm Thị Tuyết H1, Phạm Thị Tuyết L mỗi người được hoàn trả số tiền 300.000đ đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí (số 0000331, số 0000332 số 0000333 số 0000334) ngày 17/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC- ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

4. Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái